

Số: /QĐ-BNN-PCTT Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân loại, phân cấp đê trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phân cấp đê và quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Xét tờ trình số 9638/TTr-UBND ngày 17/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, tờ trình số 2311/TTr-SNNPTNT ngày 09/12/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thừa Thiên Huế về việc đề nghị phân loại, phân cấp đê tỉnh Thừa Thiên Huế; công văn số 585/SNNPTNT-TL ngày 08/4/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thừa Thiên Huế về việc tổng hợp, giải trình ý kiến tham gia các nội dung liên quan đến phân loại, phân cấp đê trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai (kèm theo Báo cáo thẩm định số 21/BC-PCTT-QLĐĐ ngày 20/4/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại, phân cấp các tuyến đê trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để làm cơ sở cho việc quản lý, bảo vệ, tu bổ, nâng cấp và hộ đê phòng lụt như sau:

TT	Tên tuyến đê	Địa điểm	Phạm vi (km đê)	Chiều dài (m)	Cấp đê
I	Đê biển			169.670	
1	Đê Tây Ô Lâu	Các xã: Phong Bình, Phong Hòa, Phong Chương, Điền Môn, Điền Lộc - huyện Phong Điền; xã Quảng Thái - huyện Quảng Điền	K0 ÷ K11+590	11.590	IV

TT	Tên tuyến đê	Địa điểm	Phạm vi (km đê)	Chiều dài (m)	Cấp đê
2	Đê Đông Ô Lâu	Các xã: Điền Hương, Điền Môn, Điền Lộc, Điền Hòa - huyện Phong Điền; xã Quảng Thái - huyện Quảng Điền	K0 ÷ K11+020	11.020	V
3	Đê Tây phá Tam Giang	Các xã: Quảng Thái, Quảng Lợi, thị trấn Sịa, Quảng Phước, Quảng An, Quảng Thành - huyện Quảng Điền; xã Hương Phong - thị xã Hương Trà	K0 ÷ K28+800	28.800	IV
4	Đê Đông phá Tam Giang	Các xã: Điền Hòa, Điền Hải - huyện Phong Điền, Quảng Ngạn, Quảng Công - huyện Quảng Điền; xã Hải Dương - thị xã Hương Trà	K0 ÷ K23+900	23.900	V
5	Đê Tây phá Đông	Các xã: Phú An, Phú Mỹ, Phú Xuân, Phú Đa, Phú Gia, Vinh Hà - huyện Phú Vang	K0 ÷ K40+910	40.910	IV
6	Đê Đông phá Đông	Thị trấn Thuận An, các xã: Phú Thuận, Phú Hải, Phú Diên, Vinh Xuân, Vinh Thanh, Vinh An - huyện Phú Vang; xã Vinh Hưng - huyện Phú Lộc	K0 ÷ K28+950	28.950	V
7	Đê Tây phá Cầu Hai	Xã Vinh Hà - huyện Phú Vang; Các xã: Lộc An, Lộc Điền - huyện Phú Lộc	K0 ÷ K17+500	17.500	IV
8	Đê Đông phá Cầu Hai	Xã Vinh Hưng, Giang Hải, Vinh Hiền - huyện Phú Lộc	K0 ÷ K7+000	7.000	V
II	Đê cửa sông			10.900	
1	Hữu sông Hương	Xã Hương Phong - thị xã Hương Trà	K0 ÷ K4+500	4.500	V
2	Tả sông Hương	Xã Phú Thanh, thị trấn Thuận An - huyện Phú Vang	K0 ÷ K4+000	4.000	V
3	Hữu sông Truồi	Xã Lộc Điền - huyện Phú Lộc	K0 ÷ K2+400	2.400	V
	Tổng cộng			180.570	

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế căn cứ quy định tại Điều 1 để chỉ đạo các cấp, ngành của tỉnh trong việc thực hiện đảm bảo an toàn cho đê điều; chỉ đạo, thực hiện triển khai cắm biển ranh giới, cột ki-lô-mét lý trình đê ngoài thực địa để phục vụ công tác quản lý, tu bổ, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng đê điều.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở NN&PTNT Thừa Thiên Huế;
- Chi cục Thủy lợi Thừa Thiên Huế (3b);
- Lưu: VT, PCTT (VT, QLĐĐ5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp